

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS-PT

Ngày: 11-5-2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Hòa - Thẩm phán sơ cấp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2020/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Đinh Thị Kim H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 9, Đinh Thiệu S, Phường 7, TP. T, tỉnh Long An.

- ***Người đại diện theo ủy quyền*** cho bà H là ông Trần Văn L. sinh năm: 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 10, đường 30/4, Khóm Tân Đông B, TT. TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2019).

2. ***Bị đơn:***

2.1. Ông Ngô Văn S1, sinh năm: 1957:

2.2. Bà Trương Thị T1, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho ông S1, bà T1 là bà Đoàn Thị PH D, sinh năm 1969, địa chỉ: 16A, đường Nguyễn Đình C, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020) (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho ông S1, bà T1 là Luật sư Nguyễn Văn H1, Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Ngô Văn C, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Quốc lộ 1A, hẻm 183, phường 4, Thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Ông S1, bà T1 cùng là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Vào tháng 11/2018, chị H có nhờ ông S1, bà T1 đứng tên dùm phần đất diện tích 75m² thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã PT A, huyện TN, phần đất trên là của chị H chuyển nhượng và nhờ ông S1 bà T1 đứng tên dùm, không phải của ông S1, bà T1 chuyển nhượng, nên chị đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho chị, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S1 bà T1 đứng tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện chị chỉ yêu cầu ông S1, bà T1, anh C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 610.000.000đ là số tiền chị đưa cho anh C trả cho bà C1 là người chuyển nhượng đất cho chị, đối với việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không yêu cầu giải quyết.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày*:

Phần đất tranh chấp là của ông S1, bà T1 nhận chuyển nhượng từ bà Dương Thị C1. Thời điểm nhận chuyển nhượng mọi giao dịch đều do ông S1 thực hiện, chị H không có liên quan. Nguồn gốc số tiền nhận chuyển nhượng đất là do trước đó ông S1, bà T1 chuyển nhượng cho người khác phần nhà, đất tại thị trấn Chợ Vàm cùng tiền tích lũy của vợ chồng ông S1. Việc chị H yêu cầu ông S1, bà T1, anh C cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 610.000.000đ là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn C trình bày*: Trước đây chị H có cho tiền anh nhiều lần nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Nay anh đồng ý trả lại cho chị H số tiền 300.000.000đ. Đối với nền nhà tại xã PTA là do cha mẹ anh là ông S1, bà T1 nhận chuyển nhượng từ bà C1. Nguồn gốc của số tiền để nhận chuyển nhượng đất từ bà C1 là do trước đây cha mẹ anh chuyển nhượng đất cho ông P, bà V tại thị trấn Chợ Vàm được 650.000.000đ và tiền tích lũy, tổng cộng được 800.000.000đ. Số tiền này do cha mẹ anh tuổi đã cao, giao cho anh giữ dùm, đồng

thời anh đã sử dụng để đầu tư đất tại tỉnh Long An. Đến khi nhận chuyển nhượng đất từ bà C1 anh mượn tiền của bạn bè để trả lại cho cha mẹ, đồng thời cũng chính anh mang tiền về thanh toán cho bà C1. Việc nhận chuyển nhượng đất từ bà C1 không có liên quan gì đến chị H nên anh không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu chị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện TN đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim H đối với ông Ngô Văn S1 và bà Trương Thị T1.

2. Buộc ông Ngô Văn S1 và bà Trương Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 610.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí do đặc: Bà Đinh Thị Kim H đã nộp xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Ông Ngô Văn S1 và bà Trương Thị T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do là người cao tuổi).

- Bà Đinh Thị Kim H được nhận lại 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0000420 quyền số 009 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 31/12/2019, ông S1 và bà T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông S1, bà T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông S1, bà T1 sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S1, bà T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H khởi kiện yêu cầu ông S1, bà T1, anh C có trách nhiệm liên đới trả số tiền 610.000.000đ, lý do đây là khoản tiền chị đã đưa ra để nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 75m² thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã PTA, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp của bà C1 và chị có nhờ ông S1, bà T1 đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị không yêu cầu giải quyết.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử ông S1, bà T1 có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H có quen biết với anh C từ tháng 6/2018 nên chị có nói với anh C cần mua đất để làm đại lý bán Vật tư nông nghiệp. Anh C đã giới thiệu cho chị H mua đất của bà C1 tại Chợ PTA, diện tích 75m² với giá 610.000.000đ. Ngày 11/11/2018 chị cùng anh C1 đến gặp bà C1 tại quán nước của ông TT để giao tiền cọc cho bà C1 là 100.000.000đ, lúc giao tiền có mặt ông S1, bà T1. Lần 2 khi giao số tiền 510.000.000đ cũng tại quán nước ông TT, chị đồng ý việc ông S1, bà T1 ký biên nhận và làm thủ tục giấy tờ với bên bà C1. Việc chị thoả thuận với anh C đồng ý cho ông S1, bà T1 đứng tên dùm thời gian một tháng sau thì sang tên lại cho chị (việc thỏa thuận được thể hiện qua đoạn file ghi âm giữa chị với anh C mà chị đã cung cấp cho Tòa án, anh C thừa nhận giọng nói trong đoạn file ghi âm là giọng nói của anh).

Ông S1, bà T1 tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bên bà C1 đến ngày 8/01/2019 Ông S1, bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Việc chị H cho rằng có thoả thuận với ông S1, bà T1 và anh C nhờ ông S1 bà T1 đứng tên dùm không có giấy tờ gì chứng minh. Tuy nhiên, việc ông S1, bà T1 làm hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất chị biết rõ, vì ông S1 có báo với chị nên sau khi ông S1, bà T1 được cấp quyền sử dụng đất chị có yêu cầu ông, bà chuyển quyền sử dụng lại cho chị đứng tên thì phát sinh tranh chấp.

Việc chị cho rằng 02 lần đem tiền về trả cho bà C1 là có thật phù hợp với lời khai của bà C1 vào ngày 03/12/2019, nội dung bà C1 khai: Khi thanh toán tiền chị H lấy tiền từ trong cặp do chị H mang theo để đưa cho bà, tiền của ai thì bà không biết vì thời điểm đó chị H, anh C nói là vợ chồng với nhau, lời khai của bà C1 cũng phù hợp với lời khai của ông TT chủ quán nước và là người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm cũng trình bày như lời bà C1 nên việc chị H có giao tiền cho bà C1 là có căn cứ. Anh C cho rằng tiền chị H mang theo trả tiền đất cho bà C1 là tiền anh mượn của bà Huyền để về trả lại cho cha anh do trước đây ông S1 bán phần đất ở An Giang cho ông P, bà V 650.000.000đ là tiền đã gửi cho anh, nhưng số tiền cha mẹ anh gửi anh đã lấy tiền đầu tư mua đất ở Long An để bán lại nên ông S1 cần tiền gấp mua đất anh phải mượn tiền để trả lại cho cha anh. Xét thấy lời trình bày của anh C là không có căn cứ, bởi vì chứng cứ chị H cung cấp là file ghi âm anh C yêu cầu chị H mua đất tại

chợ PTA có giá hơn sáu trăm triệu đồng, phù hợp với việc chị H mang tiền về để trả tiền đất cho bà C1.

[3] Trong quá trình Toà án thu thập chứng cứ anh C trình bày nguồn tiền ông S1 mua đất của bà C1 là tiền bán phần đất ở An Giang 650.000.000đ, tại phiên toà anh lại cho rằng tiền anh mang về là mượn từ bà H1, mặt khác số tiền ông S1 cho rằng gửi anh C 650.000.000đ nhưng tại phiên tòa ông S1 trình bày số tiền gửi anh C là 800.000.000đ, nên có sự mâu thuẫn trong lời trình bày của anh C và ông S1. Đồng thời việc ông Sum chuyển nhượng đất cho ông P, bà V vào tháng 5/2017, hợp đồng có công chứng và có ghi đóng dấu sửa chữa giá chuyển nhượng chỉ có 250.000.000đ chứ không phải 650.000.000đ. Thời điểm này ông S1 về xây nhà tại ấp 3, xã PL, huyện TB nên ông cần tiền để xây nhà là điều tất yếu. Do đó, ông S1 cho rằng có gửi cho anh C số tiền trên để mua lại đất là không phù hợp vì thời gian ông chuyển nhượng tháng 5/2017 đến tháng 11/2018 thì mới có việc giao dịch chuyển nhượng đất với bà C1. Mặc dù ông S1 không thừa nhận việc chị H đưa tiền để mua đất của bà C1 và nhờ ông đứng tên dùm, tuy nhiên ông thừa nhận giọng nói trong file ghi âm mà chị H cung cấp cho Tòa án là giọng nói của ông. Trong nội dung file ghi âm có các đoạn ông S1 nói: **“bữa hôm con đồng ý cho bác đứng tên mà, cô nói là cho ba mà, không ai đứng tên hộ cô, bữa cô nói cho hai bác, cái giấy tờ đó bác đứng hợp pháp rồi, cháu đưa tiền ra, tự nguyện cháu chứ không phải đằng này tôi xin cháu”**. Điều này cho thấy việc ông S1 cho rằng ông mua đất của bà C1 bằng tiền của ông nhưng trong nội dung ông nói chuyện với chị H1 thì ông cho rằng chị H đã cho ông, chị H không thừa nhận có việc cho ông phần đất trên mà chỉ nhờ ông đứng tên dùm là hoàn toàn phù hợp với việc chị giao tiền và biết rõ về các thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông S1 bà T1. Do phần đất hiện nay ông S1, bà T1 được cấp quyền sử dụng nên việc chị H yêu cầu ông, bà trả lại số tiền 610.000.000đ là phù hợp. Riêng đối với anh C thừa nhận chị H có cho anh tiền nhiều lần, còn số tiền 610.000.000đ, nay anh tự nguyện trả lại cho chị H 300.000.000đ, tuy nhiên đây là việc trình bày của cá nhân anh C, chị H cho rằng không có việc cho tiền anh C và không yêu cầu trả số tiền này mà yêu cầu anh C có trách nhiệm liên đới với ông S1, bà T1 trả cho chị số tiền mà chị đã đưa cho bà C1 để chuyển nhượng đất là không phù hợp vì anh C không nhận tiền mà do chị H giao tiền trực tiếp cho bà C1 để chuyển nhượng đất và phần đất này ông S1, bà T1 đứng tên quyền sử dụng nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị H đối với nghĩa vụ trả nợ của anh C là phù hợp.

Từ những phân tích trên, án sơ thẩm xác định nguồn gốc số tiền chuyển nhượng đất từ bà C1 là tiền của chị H trực tiếp giao cho bà C nhận nên buộc ông S1, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền trên cho chị H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S1, bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông S1, bà T1 phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do ông, bà là người cao tuổi. Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí phúc thẩm cho ông S1, bà T1.

[4] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông S1, bà T1 sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp pháp luật nên không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S1, bà T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166; Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ngô Văn S1, bà Trương Thị T1.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 74/2019/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TN.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim H đối với ông Ngô Văn S1 và bà Trương Thị T1.

4. Buộc ông Ngô Văn S 1 và bà Trương Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Đinh Thị Kim H số tiền 610.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí đo đạc: Bà Đinh Thị Kim H đã tạm ứng và đã chi xong.

6. Về án phí:

- Ông Ngô Văn S1 và bà Trương Thị T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do là người cao tuổi).

- Bà Đinh Thị Kim H được nhận lại 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0000420 quyền số 009 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN.

7. Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Văn S1, bà Trương Thị T1 được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.TN;
- TAND huyện TN;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hội